

Bản án số: 51/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 04/6/2026

V/v: Tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC - HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Vũ Thanh Tùng.**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Thanh Vân và ông Nguyễn Gia Phúc

- Thư ký phiên tòa: ông Trần Xuân Lộc – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Đào Văn Huỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 320/2026/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2026 về việc: Tranh chấp ly hôn; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2026/QĐXXST- HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2026 giữa:

- Nguyên đơn: bà Đỗ Thị Thanh H, sinh năm 1983;

HKTT: Số B ngõ G H, phường P, thành phố Hà Nội. Nơi ở hiện tại: B3 lô 8 Khu đô thị Đ, phường P, thành phố Hà Nội. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Phan Ngọc N, sinh năm 1980;

HKTT: Số B ngõ G H, phường P, thành phố Hà Nội. Vắng mặt và có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Đỗ Thị Thanh H trình bày:*

Bà và Ông Phan Ngọc N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, thành phố Hà Nội (cũ) ngày 04/4/2018. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra cãi vã, không thể tháo gỡ được khúc mắc. Quá trình chung sống ông N không quan tâm, chăm sóc gia đình, hơn nữa hiện nay ông N đang phải đi chấp hành án phạt tù tại giam S, Cục C – Bộ C1 nên bà nhận

thấy không còn tình cảm và không thể tiếp tục cuộc hôn nhân với ông N. Do đó, bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông Phan Ngọc N.

- Về con chung: Bà H xác nhận bà và ông N có 03 con chung là cháu Phan Đỗ Thủy T, giới tính nữ, sinh ngày 15/5/2018; cháu Phan Đỗ Tuấn K, giới tính nam, sinh ngày 09/6/2020 và cháu Phan Đỗ Chí K1, giới tính nam, sinh ngày 11/12/2024. Sau ly hôn bà đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 03 con chung và không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nhà đất chung, vay nợ chung: Bà xác nhận bà và ông N không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Bà xin chịu án phí theo quy định pháp luật.

* Tại bản tự khai ngày 08/4/2026, bị đơn ông Phan Ngọc N viết tại Trại giam S. Cục C – Bộ CI trình bày:

Ông và bà Đỗ Thị Thanh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, thành phố Hà Nội (cũ) ngày 04/4/2018. Hiện nay, do đang phải chấp hành án phạt tù nên ông không có khả năng để chăm sóc gia đình và chăm sóc các con. Ông có ý kiến với đề nghị xin ly hôn của bà H như sau:

- Về tình cảm: Ông đồng ý ly hôn với bà H.

- Về con chung: Ông xác nhận có với bà H 03 con chung là cháu Phan Đỗ Thủy T, giới tính nữ, sinh ngày 15/5/2018; cháu Phan Đỗ Tuấn K, giới tính nam, sinh ngày 09/6/2020 và cháu Phan Đỗ Chí K1, giới tính nam, sinh ngày 11/12/2024. Khi ly hôn thì ông đồng ý giao cả 03 con chung cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà H không yêu cầu ông cấp dưỡng nuôi con thì ông đồng ý. Hiện nay đang chấp hành án nên ông không có điều kiện để cấp dưỡng, sau khi chấp hành án phạt tù xong thì ông sẽ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho các con sau.

- Về tài sản chung, nhà đất chung, vay nợ chung: ông xác nhận ông và bà H không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: đề nghị xem xét theo quy định pháp luật.

Ngoài ra, ông N không có yêu cầu nào khác.

Tại phiên tòa:

- Bà Đỗ Thị Thanh H có mặt và trình bày: tôi xin giữ nguyên các yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với ông N như đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, ngoài ra tôi không có yêu cầu hay trình bày gì khác.

- Ông Phan Ngọc N vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, tại đơn xin vắng mặt ông N trình bày giữ nguyên trình bày tại bản tự khai ngày 08/4/2026, do đang chấp hành án phạt tù nên không thể tham gia phiên tòa, đề nghị được xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm ý kiến: Quá trình tiến hành tố tụng giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa xét xử ngày hôm nay Thẩm phán và Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tiến hành tố tụng theo đúng các trình tự tố tụng mà Bộ luật tố tụng dân sự quy định, nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng.

Nội dung: Sau khi phát biểu đánh giá các tình tiết của vụ án, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Hà Nội có ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 28, điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 146 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 24, Điều 37, Điều 56, 59, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Căn cứ Nghị quyết 326 về án phí lệ phí, Đề nghị HĐXX:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà **Đỗ Thị Thanh H**; Bà **H** được ly hôn với ông **Phan Ngọc N**.

Về con chung: Giao các con chung là cháu **Phan Đỗ Thủy T**, giới tính nữ, sinh ngày 15/5/2018; cháu **Phan Đỗ Tuấn K**, giới tính nam, sinh ngày 09/6/2020 và cháu **Phan Đỗ Chí K1**, giới tính nam, sinh ngày 11/12/2024 cho bà **H** trực tiếp nuôi dưỡng; Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung của ông **Phan Ngọc N** cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Về tài sản chung (động sản, bất động sản), vay nợ chung: Bà **H** và ông **N** đều xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết nên không xét.

Án phí: Bà **H** phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

I. Về tố tụng

Về Quan hệ pháp luật: Căn cứ vào đơn khởi kiện, các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án: Xác định tranh chấp giữa bà **Đỗ Thị Thanh H** và ông **Phan Ngọc N** là tranh chấp về ly hôn, nuôi con sau ly hôn là quan hệ tranh chấp về Hôn nhân gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông **Phan Ngọc N** có hộ khẩu thường trú tại tại **số B ngõ G H, phường P, thành phố Hà Nội**. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Hà Nội.

Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự; đối với bị đơn ông **Phan Ngọc N** đang chấp hành án phạt tù tại trại giam nhưng đã có bản tự khai có xác nhận của trại giam trình bày quan điểm đối với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đồng thời cũng có đơn xin vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết và tại phiên tòa xét xử vụ án. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 BLTTDS, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

II. Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Quá trình giải quyết vụ án, lời khai của các đương sự cùng các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện: Bà H và ông N có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, thành phố Hà Nội (cũ) ngày 04/4/2018. Căn cứ Điều 3, Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình, xác nhận hôn nhân giữa bà H và ông N là hợp pháp.

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ, lời trình bày của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện: Sau khi kết hôn, bà H và ông N chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra cãi vã, không thể tháo gỡ được khúc mắc. Quá trình chung sống ông N không quan tâm, chăm sóc gia đình và hiện nay đang phải đi chấp hành án phạt tù nên bà H đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn là phù hợp với khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Vợ chồng có nghĩa vụ chung sống, xây dựng cuộc sống chung, cùng chăm sóc và làm gương cho con cái. Ông N chưa chăm sóc quan tâm, chăm sóc gia đình, ngoài ra còn có hành vi vi phạm pháp luật tới mức phải chịu trách nhiệm hình sự và đang đi chấp hành án phạt tù nên không thể chăm sóc gia đình. Với thực trạng hôn nhân của ông bà như hiện nay khẳng định giữa ông bà không tồn tại cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc chứng tỏ hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại bản tự khai ông N trình bày ông đồng ý ly hôn với bà H nên thấy rằng giữa ông bà không còn tình cảm, cùng thống nhất ly hôn với nhau. Do đó, yêu cầu của bà H khởi kiện ly hôn đối với ông N là chính đáng, có căn cứ nên được chấp nhận. Căn cứ Điều 19, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà H với ông N.

[2]. Về con chung: Bà H và ông N có 03 con chung là cháu Phan Đỗ Thủy T, giới tính nữ, sinh ngày 15/5/2018; cháu Phan Đỗ Tuấn K, giới tính nam, sinh ngày 09/6/2020 và cháu Phan Đỗ Chí K1, giới tính nam, sinh ngày 11/12/2024.

Xét nguyện vọng của bà H về con chung thì thấy: Hiện tại, ông N đang đi chấp hành án phạt tù, không thể ở cạnh chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung và đồng ý giao cả 03 con chung cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc; các con chung của ông bà đang ở với bà H và bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Vì vậy, việc giao cháu T, cháu K và cháu K1 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với điều kiện thực tế, không làm xáo trộn cuộc sống hiện tại, đảm bảo quyền lợi của con chung nên được chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà H không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con chung. Do đó, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với ông N.

[3]. Về tài sản chung (động sản, bất động sản), vay nợ chung: bà H, ông N xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[4]. Về án phí: Bà H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[6] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – Hà Nội tại phiên tòa phù hợp với những nhận định của Hội đồng xét xử.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; 207; 227; 228; 266; 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Điều 51, 56, 57, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị Thanh H với ông Phan Ngọc N, cụ thể như sau:

1. Về tình cảm: Bà Đỗ Thị Thanh H được ly hôn với ông Phan Ngọc N.

2. Về con chung: Bà Đỗ Thị Thanh H và ông Phan Ngọc N có 03 con chung là cháu Phan Đỗ Thủy T; (giới tính nữ), sinh ngày 15/5/2018; cháu Phan Đỗ Tuấn K; (giới tính nam), sinh ngày 09/6/2020 và cháu Phan Đỗ Chí K1; (giới tính nam), sinh ngày 11/12/2024. Sau ly hôn, giao cháu Phan Đỗ Thủy T, cháu Phan Đỗ Tuấn K và cháu Phan Đỗ Chí K1 cho bà Đỗ Thị Thanh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho ông Phan Ngọc N cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Ông Phan Ngọc N có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai có quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung (động sản, bất động sản), vay nợ chung: Bà Đỗ Thị Thanh H và ông Phan Ngọc N không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Bà Đỗ Thị Thanh H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005860 ngày 12 tháng 3 năm 2026 của Thi hành án dân sự thành phố H. Bà H đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bà **Đỗ Thị Thanh H** có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông **Phan Ngọc N** có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND Khu vực 2 – Hà Nội;
- UBND phường nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.



**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thanh Tùng